

Ngày: 08-4-2019

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Trần Ngọc Diệp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yên-
Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/HSST ngày 26 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

TRƯỜNG TRẦN H (Q), sinh năm 1994;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Trần P, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1976; Bản thân bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2015/HSST ngày 28/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã tuyên phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 BLHS;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2017/HSST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã tuyên phạt bị cáo 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS;

Tiền sử: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 06/11/2018 cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

** Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1966(vắng mặt);

Nơi cư trú: Khu phố B, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Trương Trường T, sinh năm 1984(vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp KT, xã BH, Hện GT, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964(vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

4. Ông Trần Văn B, sinh năm 1966(vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1979(có mặt);

Nơi cư trú: Khu phố MT, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986(vắng mặt);

Nơi cư trú: Khu phố BT, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Trà M, sinh năm 1995(vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp KT, xã BH, Hện GT, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1980(vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp HD, xã BĐ, Hện HM, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Đặng Văn P, sinh năm 1989(vắng mặt);

Nơi cư trú: Đường NH, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/10/2018 đến ngày 06/11/2018, trên địa bàn huyện GT và thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Trương Trần H đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

** Vụ thứ nhất:* Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/10/2018, Trương Trần H rủ Nguyễn Trà M đến nhà bà nội của H là bà Trần Thị N, đang tạm trú trên phần đất vườn của ông Nguyễn Quốc T ở tổ 14, ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre để xin tiền tiêu xài nhưng bà N không có ở nhà. H nhìn thấy cây

mai vàng của ông T trồng ở trước sân nhà không có người trông coi nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H nói dối với M là cây mai này của bà nội H đã cho H, H đến nhổ cây mai vàng của ông T đem ra ngoài thì cành mai vướng vào mái nhà nên M đến phụ gỡ những cành mai để H tiếp tục vác cây mai đem ra trước cổng rào kêu một người chạy xe honda ôm không rõ họ tên, địa chỉ chở cây mai vừa trộm được ra đến đầu lộ rồi kêu xe hoa lâm biển số 61B1-21735 của anh Trần Minh T nhờ chở cây mai đến nhà của Nguyễn Thanh H ở số 18C, khu phố BT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre bán được 400.000 đồng, H trả tiền xe cho anh T 100.000 đồng, còn lại 300.000 đồng bị cáo và M tiêu xài cá nhân hết.

** Vật chứng thu giữ:* 01 cây mai vàng cao 01m, bề hoành 40cm.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 1148/KL-HĐĐG ngày 29/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố BT kết luận: 01 cây mai vàng cao 01m, bề hoành 40cm, dáng thẳng, trị giá tài sản vào ngày 06/10/2018 là 3.000.000 đồng.

** Vụ thứ hai:* Sau khi ghé nhà của Nguyễn Trà M ở xã BH, huyện GT, tỉnh Bến Tre ngủ qua đêm. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/10/2018, bị cáo Trương Trần H tìm nơi để mua thuốc hút và đón xe buýt để về thành phố BT. Khi đi ngang nhà của anh Trương Trường T ở ấp KT, xã BH, huyện GT, tỉnh Bến Tre thì H phát hiện xe mô tô, kiểu dáng Dream, màu nâu, biển số 76V9-5513 của anh T có gắn sẵn chìa khóa, trên xe còn có 01 cái áo mưa và 01 nón bảo hiểm dựng trước cửa nhà nhưng không có người trông. H đi vào lấy chiếc xe của anh T dẫn ra ngoài đường tỉnh 885 rồi điều khiển xe chạy về thành phố BT. Sau đó, đem bán cho bà Hồ Thị Đ ở ấp 1, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Bến Tre được 1.000.000 đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

** Vật chứng thu giữ:* 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 76V9-5513.

Theo các Bảng kết luận định giá trị tài sản số 89/KL-HĐĐG ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện GT và số 103/KL-HĐĐG ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá thành phố BT kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 76V9-5513, mua tháng 7/2017, loại xe thanh lý, thống nhất giá trị còn lại là 3.500.000 đồng; 01 áo mưa bằng nhựa, màu xanh trị giá tài sản vào ngày 15/10/2018 là 10.000 đồng; 01 nón bảo hiểm, màu hồng trị giá tài sản vào ngày 15/10/2018 là 20.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.530.000đồng

** Vụ thứ ba:* Khoảng 09 giờ ngày 22/10/2018, H đi xe honda ôm của một người không rõ họ tên địa chỉ đến xã PH, thành phố BT để xin tiền của anh C tiêu xài. Khi đi ngang nhà của ông Nguyễn Văn T ở số 342D ấp PC, xã PH, thành phố BT, H phát hiện trong nhà có 02 lồng chim bên trong mỗi lồng có 01

con chim cu đất và 01 con cưỡng bông nhưng không có người trông coi nên H nảy sinh ý định vào lấy trộm. H kêu người chạy xe honda ôm dừng xe lại đợi, H đi vòng ra đường hẻm sau nhà của ông T, leo qua hàng rào đi vào nhà lấy lồng chim có 01 con cu đất và lồng chim có 01 con cưỡng bông của ông T rồi ra ngoài tiếp tục kêu người chạy xe honda ôm chở chạy về phường 8, thành phố BT nhưng trên đường đi thì bị lực lượng công an phát hiện mời làm việc và thu giữ cùng tang vật.

** Vật chứng thu giữ:* 01 con cu đất nuôi được 03 năm, đã biết gáy; 01 con cưỡng bông nuôi được 01 năm, đã biết huýt sáo; 01 cái lồng chim hình tròn bằng nhôm; 01 cái lồng chim hình vuông bằng sắt;

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 1253/KL-HĐĐG ngày 22/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố BT kết luận: 01 con cu đất nuôi được 03 năm, đã biết gáy, trị giá tài sản vào ngày 22/10/2018 là 250.000 đồng; 01 cái lồng chim hình tròn, bằng nhôm, mua được 04 năm, trị giá tài sản vào ngày 22/10/2018 là 60.000 đồng; 01 con cưỡng bông, nuôi được 01 năm, đã biết huýt sáo, trị giá tài sản vào ngày 22/10/2018 là 400.000 đồng; 01 cái lồng chim hình vuông, bằng sắt, bọc nhựa màu xanh, mua được 01 năm, trị giá tài sản vào ngày 22/10/2018 là 96.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại T là 806.000 đồng.

** Vụ thứ tư:* Khoảng 07 giờ ngày 06/11/2018, H đi xe ôm đến nhà của Trần Nhật T ở số 343, ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đến đầu đường trước nhà T, H kêu người chạy xe honda ôm đứng chờ, còn H đi bộ vào nhà của T thì gặp ông Trần Văn B (cha của T) đang xem tivi, ông B cho biết T đang ở phía sau nhà nên H đi vòng ra phía sau nhà nhưng không thấy T, H nhìn thấy phòng ngủ của ông B có để điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime và không thấy có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H lén lút đi vào phòng ngủ của ông B lấy trộm điện thoại động hiệu Samsung J2 Prime và số tiền 310.000 đồng của ông B đang để trên bàn rồi ra ngoài kêu người chạy xe ôm chở đến cửa hàng điện thoại A P ở số 310, NH, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến tre bán được 900.000 đồng, H trả tiền xe honda ôm hết 100.000 đồng. Số tiền còn lại sau đó H đã làm rơi mất.

** Vật chứng thu giữ:* 01 điện thoại động hiệu Samsung J2 Prime, màu hồng.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 1244/KL-HĐĐG ngày 19/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố BT kết luận: 01 điện thoại động hiệu Samsung J2 Prime, màu hồng, trị giá tài sản vào ngày 06/11/2018 là 840.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 18/KSĐT-KT ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trương Trần H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung cáo trạng. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phạm vào tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo H được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trương Trần H từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ghi nhận bị hại ông Nguyễn Quốc T đã nhận lại cây mai vàng bị mất; Ông Trương Trường T đã nhận lại xe mô tô biển số 76V9-5513; Ông Nguyễn Văn T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt; Ông Trần Văn B đã nhận lại 01 điện thoại động hiệu Samsung J2 Prime và các bị hại cũng không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Văn P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 900.000 đồng do mua điện thoại nhưng đã bị thu hồi, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T chở thuê cây mai vàng cho bị cáo với giá 100.000đồng, ông T không biết cây mai vàng này là tài sản do bị cáo chiếm đoạt mà có, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bị cáo Trương Trần H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

[3] Trong khoảng từ ngày 06/10/2018 đến ngày 06/11/2018, trên địa bàn huyện GT và thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Trương Trần H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể: chiếm đoạt của ông Nguyễn Quốc T 01 cây mai vàng cao 01m, bề hoành 40cm, trị giá 3.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Trương Trường T 01 xe mô tô, kiểu dáng Dream, màu nâu, biển số 76V9-5513, 01 áo mưa bằng nhựa màu xanh và 01 nón bảo hiểm màu hồng, tổng giá trị 3.530.000 đồng; chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T 01 con cu đất, 01 con cường bông, 01 cái lồng chim hình tròn, bằng nhôm và 01 cái lồng chim hình vuông, bằng sắt, tổng giá trị 806.000 đồng và chiếm đoạt của ông Trần Văn B 01 điện thoại động hiệu Samsung J2 Prime, màu hồng và số tiền 310.000 đồng, tổng giá trị 1.150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt của các bị hại là 8.486.000 đồng.

[4] Bị cáo Trương Trần H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã 04 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị là 8.486.000 đồng. Với lỗi cố ý trực tiếp và vì động cơ tư lợi, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo vừa chấp hành xong án phạt tù vào ngày 19/3/2018. Do bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Bản cáo trạng số 18 ngày 26/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trương Trần H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội

và bất bình trong Nhân dân nên cần nghiêm trị theo quy định của pháp luật, nhằm để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đồng thời đã nhiều lần bị Tòa án kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội trộm cắp tài sản. Do bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên có chiều cố xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn không cần thiết áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Quốc T đã nhận lại cây mai vàng bị mất; Ông Trương Trường T đã nhận lại xe mô tô biển số 76V9-5513; Ông Nguyễn Văn T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt; Ông Trần Văn B đã nhận lại 01 điện thoại động hiệu Samsung J2 Prime và các bị hại cũng không có yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Văn P yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 900.000 đồng do mua điện thoại sau đó đã bị thu hồi, bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện

[9] Về Xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT trả lại cho bị hại ông Nguyễn Quốc T cây mai vàng; trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 con cu đất, 01 con cường bông và 02 cái lồng chim; trả lại cho ông Trần Văn B 01 điện thoại động hiệu Samsung J2 Prime. Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an Hện GT đã trả lại cho ông Trương Trường T xe mô tô biển số 76V9-5513;

Đối với ông Nguyễn Thanh H khi mua cây mai vàng và bà Hồ Thị Đ khi mua xe mô tô biển số 76V9-5513 do bị cáo bán không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Trà M và ông Trần Minh T khi giúp bị cáo vận chuyển cây mai không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm là phù hợp quy định pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Trương Trần H phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trương Trần H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Trương Trần H: 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Trương Trần H có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn P số tiền 900.000 (Chín trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Quốc T cây mai vàng; đã trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01(một) con cu đất, 01(một) con cưỡng bông và 02 (hai) cái lồng chim; đã trả lại cho ông Trần Văn B 01(một) điện thoại động hiệu Samsung J2 Prime. Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an Hện GT đã trả lại cho ông Trương Trường T xe mô tô biển số 76V9-5513;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trương Trần H phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000(Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000(Ba Trăm ngàn)đồng;

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Công an thành phố BT (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (1b);
- Trung tâm TGPLNN tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã MTA(1b);
- NTGTT (10b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang